

Bản án số: **88/2023/DS-ST**
Ngày: 11 - 12 - 2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG**
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chung Kim Sang
Bà Đoàn Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 316/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn: Chị Võ Thị Cẩm T**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: số 204/6A, đường M, phường T, thành phố R, Kiên Giang.

* **Bị đơn: Chị Trương Thị Kiều O**, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 52, đường H, phường B, thành phố R, Kiên Giang.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Huỳnh Thị N**, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Hẻm 829, đường M, phường T, thành phố R, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị Cẩm T thống nhất trình bày:**

Do chỗ quen biết nên vào ngày 05/02/2021, bà Huỳnh Thị Nga có dẫn bà Trương Thị Kiều O đến mượn tôi số tiền gốc là 300.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận vào ngày 28 tháng chạp năm 2021 (nhằm ngày 09/02/2021 dương lịch) bà O sẽ trả số tiền vốn gốc cho tôi. Đến thời hạn thanh toán tôi đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà O không trả tiền lại cho tôi.

Tại đơn khởi kiện, chị T yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chị Trương Thị Kiều O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị N phải có trách nhiệm trả cho chị Võ Thị Cẩm T số tiền gốc là 300.000.000 đồng; và yêu cầu lãi suất là 10%/năm từ ngày 05/02/2021 đến ngày xét xử, lãi tạm tính từ ngày 05/02/2021 đến ngày

29/4/2022 là 37.5000.000 đồng; tổng cộng gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/4/2022 là 337.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu Tòa án buộc chị Trương Thị Kiều O phải trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 05/02/2021 cho đến ngày xét xử, mức lãi suất là 10%/năm. Chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chị Huỳnh Thị N phải có trách nhiệm liên đới cùng chị Trương Thị Kiều O trả số tiền gốc và lãi nêu trên.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trương Thị Kiều O trình bày:*

Thông qua bà Huỳnh Thị N, chị O có mượn của chị Võ Thị Cẩm T vào tháng 01 năm 2021, số tiền 300.000.000 đồng, với lãi suất là 5%/tháng. Tiền lãi tháng 01 năm 2021 chị O đã trả 15.000.000 đồng.

Ngày 27/02/2021, do đến hạn thanh toán gốc, lãi cho chị T nhưng chưa chuẩn bị kịp nên bà N có giới thiệu chị O mượn số tiền 50.000.000 đồng, số tiền này chị T giao toàn bộ cho bà N để trả 01 phần nợ gốc cho chị T.

Số tiền gốc chị O còn nợ lại của chị T là 250.000.000 đồng. Chị O xin trả dần số tiền gốc, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, cho đến khi hết số tiền vốn gốc, xin xem xét miễn lãi để chị O có điều kiện trả nợ. Chị O xác định đây là nợ của cá nhân chị O.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị N trình bày:*

Do chị N và chị Võ Thị Cẩm T quen biết với nhau, chị T không đồng ý cho chị Trương Thị Kiều O vay tiền, nên chị N phải đứng ra bảo lãnh thì chị T mới đồng ý cho chị O vay số tiền 300.000.000 đồng, theo biên nhận ngày 05/02/2021, chị N ký tên với tư cách là người bảo lãnh, là dùng uy tín của chị N để tạo lòng tin cho chị T, để chị T cho chị O vay tiền.

Chị N không đồng ý cùng chị Trương Thị Kiều O cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của chị T, do số tiền này chị N không có vay và cũng không có sử dụng, chị N chỉ ký tên để tạo niềm tin để chị T đồng ý cho chị O vay tiền. Chị N xác định không có việc chị O đưa cho chị N số tiền 50.000.000 đồng, để nhờ chị N trả tiền gốc cho chị T. Số tiền 50.000.000 đồng chị O đưa là để trả nợ cho chị N, do chị O còn thiếu tiền của chị N, không liên quan đến việc nhờ chị N trả nợ cho chị T như chị O đã trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của BLTTDS.

Về thẩm quyền thụ lý vụ án, đúng quy định tại Điều 26, Điều 35 BLTTDS. Việc thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt các văn bản và xử lý kết quả tổng đạt văn bản tố tụng cho đúng quy định tại Điều 96-101, Điều 106, 108, 109, Điều 170, Điều 171, Điều 175 BLTTDS.

Về thời hạn giải quyết vụ án, chưa đảm bảo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn vắng mặt tại các buổi hòa giải là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 BLTTDS.

Về nội dung: Theo nguyên đơn, chị T trình bày, ngày 05/02/2021, chị T có cho chị Trương Thị Kiều O vay số tiền 300.000.000 đồng, đôi bên lập biên nhận, có chị Huỳnh Thị N ký bảo lãnh và thỏa thuận đến ngày 09/02/2021 chị O có nghĩa vụ trả lại đủ số tiền trên cho chị T. Do sau đó chị O không trả nợ cho chị nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị O thanh toán số tiền 300.000.000 đồng vốn gốc, đồng thời tính lãi chậm trả từ ngày 05/02/2012 đến ngày xét xử vụ án với mức 10%/năm.

Xét thấy, lời trình bày của chị T phù hợp với thừa nhận của chị O về việc vay tiền, đồng thời tại bản trình bày ý kiến ngày 26/11/2023, chị O cũng xác định khoản nợ giữa chị và chị T là của cá nhân chị, chị T cũng cung cấp được chứng cứ là biên nhận tiền lập ngày 05/02/2021 nên yêu cầu của chị T buộc chị O phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 BLDS.

Về số tiền gốc, chị O cho rằng đã nhờ chị N trả cho chị T 50.000.000 đồng nên chỉ còn nợ 250.000.000 đồng, tuy nhiên chị N và chị T không thừa nhận việc này, chị O cũng cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh đã giao cho chị T số tiền trên nên căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 94 BLTTDS về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, lời trình bày của chị O không có cơ sở để xem xét.

Về lãi suất, tuy nội dung biên nhận không ghi lãi suất nhưng tại lời khai của chị O và chị T đều xác định đây là khoản vay có lãi, vì vậy đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS. Do mức lãi suất chị O và chị T trình bày còn mâu thuẫn, không trùng khớp nên đây là trường hợp không rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị T buộc chị O trả lãi 10%/năm đối với khoản vay 300.000.000 đồng từ ngày 05/02/2021 là có cơ sở để chấp nhận.

Việc cản trừ lại số tiền lãi đã đóng, chị O trình bày đã đóng được 15.000.000 đồng, nhưng đến thời điểm này chị không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho trình bày của mình, vì vậy, căn cứ lời xác nhận của chị T, chỉ cản trừ lại số tiền lãi chị O đã đóng là 12.000.000 đồng.

Về nghĩa vụ bảo lãnh của chị N, chị T xác định không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 466, 468 BLDS. Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trương Thị Kiều O; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị Kiều O, chị Huỳnh Thị N.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Võ Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Trương Thị Kiều O phải trả số tiền gốc và lãi đã vay. Đây là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; lời trình bày của nguyên đơn; ý kiến của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Cẩm T và bị đơn chị Trương Thị Kiều O đều thống nhất xác định chị O có vay của chị T số tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng. Việc vay tiền được thể hiện tại biên nhận ngày 05/02/2021. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì việc chị O có vay của chị T số tiền gốc 300.000.000 đồng là có thật.

Bị đơn chị O xác định trong quá trình vay tiền của chị T thì chị O đã nhờ chị Huỳnh Thị N gửi trả cho chị T được 50.000.000 đồng tiền gốc, tuy nhiên chị O không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho phần trình bày nêu trên; đồng thời phần trình bày này cũng không được chị Trương Thị Kiều O cũng không được chị Huỳnh Thị N, chị Võ Thị Cẩm T thừa nhận, nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét phần trình bày của bị đơn.

Nếu sau này chị Trương Thị Kiều O và chị Huỳnh Thị N có phát sinh tranh chấp về số tiền 50.000.000 đồng như chị O trình bày, thì chị O có quyền khởi kiện chị Huỳnh Thị N thành vụ kiện khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc chị Huỳnh Thị N phải có trách nhiệm liên đới cùng chị Trương Thị Kiều O trả số tiền gốc và lãi đã vay. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc chị O phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền gốc là 300.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất:

Bị đơn xác định đã trả cho nguyên đơn 15.000.000 đồng tiền lãi, nguyên đơn xác định bị đơn đã trả được 12.000.000 đồng tiền lãi. Do bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử thống nhất xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 12.000.000 đồng.

Bị đơn chị O xác định do hoàn cảnh khó khăn nên xin xem xét không tính lãi suất, yêu cầu này của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Nguyên đơn xác định khi vay tiền, thỏa thuận lãi suất miệng là 4%/tháng, bị đơn xác định thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, hai bên trình bày không thống nhất về lãi suất vay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ ngày 05/02/2021 đến ngày 11/12/2023 là 33 tháng 06 ngày, lãi suất được tính như sau: $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 33 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} = 82.668.000 \text{ đồng}$ - $12.000.000 \text{ đồng}$ tiền lãi đã nhận = $70.668.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi là: $300.000.000 \text{ đồng} + 70.668.000 \text{ đồng} = 370.668.000 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Trương Thị Kiều O phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn chị Võ Thị Cẩm T số tiền gốc và lãi là 370.668.000 đồng.

[5] Về thời gian trả nợ: Bị đơn chị O yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.00.000 đồng cho đến khi hết số tiền vốn gốc, tại phiên tòa nguyên đơn chị T không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của chị O. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trường hợp chị O có hoàn cảnh khó khăn thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị đơn chị Trương Thị Kiều O phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền 219.420.386 đồng là: $370.668.000 \text{ đồng} \times 5\% = 18.533.400 \text{ đồng}$.

Chị Võ Thị Cẩm T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.438.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009920 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 244; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Cẩm T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn chị Trương Thị Kiều O.

Buộc chị Trương Thị Kiều O phải có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị Cẩm T số tiền gốc và lãi là 370.668.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị N phải có trách nhiệm liên đới cũng bị đơn chị Trương Thị Kiều O trả số tiền vốn gốc và lãi.

Về án phí: Buộc bị đơn chị Trương Thị Kiều O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 18.533.400 đồng.

Chị Võ Thị Cẩm T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.438.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009920 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (11/12/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN

